

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977;

Cư trú tại: Tổ 9, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Văn B, sinh năm 1965;

Cư trú tại: Tổ 9, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1997 không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do chị và anh B không hợp nhau về tính cách, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi với nhau thường xuyên, chị và anh B đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2017 đến nay, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là cháu Võ Thị Y, sinh ngày 11/04/1998 và cháu Võ Thành N sinh ngày 13/04/2001. Hiện nay cháu Y đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân, còn cháu N đi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh khoảng 04 đến 05 tháng mới về thăm gia đình được vài ngày rồi đi làm tiếp. Do đó nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh và chị L hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh đi làm có nhậu với bạn, do chị L không hài lòng dẫn đến vợ chồng cự cãi với nhau, nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Võ Thị Y, sinh ngày 11/04/1998 và cháu Võ Thành N, sinh ngày 13/04/2001. Hiện nay cháu Y đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân, còn cháu N đã nghỉ học đi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh 04 đến 05 tháng mới về thăm gia đình vài ngày lại đi, do đó nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị L, anh B là vợ chồng;

Về con chung: Chị L, anh B có hai con chung là cháu Võ Thị Y, sinh ngày 11/04/1998 và cháu Võ Thành N, sinh ngày 13/04/2001; nay ly hôn chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên ghi nhận;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về kiện nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 20/3/2018 chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh B.

[2] Về hôn nhân: Việc chị L, anh B chung sống vợ chồng từ năm 1997 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống giữa chị L, anh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh B, áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L, anh B có hai con chung là: Cháu Võ Thị Y, sinh ngày 11/04/1998 và cháu Võ Thành N, sinh ngày 13/04/2001. Hiện nay cháu Y đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân, đối với cháu N đã đi làm tự nuôi sống được bản thân tại thành phố Hồ Chí Minh 4 đến 5 tháng mới về thăm gia đình vài ngày lại đi, nay ly hôn chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B có hai con chung là cháu Võ Thị Y, sinh ngày 11/04/1998 và cháu Võ Thành N, sinh ngày 13/04/2001. Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004907 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị L, anh Võ Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na